

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI  
Số 11 Đường Lê Lợi, Phường Tân Vĩnh, TP. Tân Bình, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*  
*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 – 5</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 32</b>
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 32

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Thuận Hải được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải theo Quyết định số 715/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500139769 ngày 30 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4500139769 ngày 15 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng Đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông Đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông Đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông Đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Công Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Ông Lê Văn Hiệu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Ông Lê Bá Tuấn Vũ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016

#### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Văn Hiệu	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Ông Lê Bá Tuấn Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Cung	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Ông Hà Mạnh Cường	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Tường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2017



**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Lê Văn Hiệu**

Số: 22./2017/BCKT-TC2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải, được lập ngày 17 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

#### Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,  
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44  
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namviethn.vn

11/5/2017  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải) cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc tại ngày 14 tháng 01 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 3 năm 2016. Kiểm toán viên này có nêu vấn đề cần nhấn mạnh về việc Công ty đã tạm phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2015 cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng chưa có sự phê duyệt của Chủ sở hữu.

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Mai Văn Công**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.186.107.776</b>	<b>51.553.858.201</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.217.820.797</b>	<b>12.959.385.424</b>
1.	Tiền	111	V.01	18.217.820.797	12.959.385.424
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.811.660.143</b>	<b>10.362.801.518</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	17.817.902.381	9.735.360.987
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	757.750.000	47.164.500
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	348.954.372	580.276.031
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(112.946.610)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.156.626.836</b>	<b>28.231.671.259</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.06	6.156.626.836	28.231.671.259
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.477.665.654</b>	<b>14.422.925.228</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>27.500.000</b>	<b>27.500.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	27.500.000	27.500.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.313.685.894</b>	<b>11.854.055.550</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	11.313.685.894	11.854.055.550
	- Nguyên giá	222		20.358.116.750	19.709.985.750
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.044.430.856)	(7.855.930.200)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.136.479.760</b>	<b>2.541.369.678</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.136.479.760	2.541.369.678
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>56.663.773.430</b>	<b>65.976.783.429</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

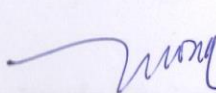
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.386.160.105</b>	<b>49.088.183.429</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.452.320.107</b>	<b>34.455.227.953</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.656.510.712	8.133.059.329
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	100.000.000	1.770.367.500
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.794.887.113	1.977.636.194
4.	Phải trả người lao động	314		10.427.915.872	5.190.130.709
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	105.000.000	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	7.891.744.414	10.047.507.483
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	5.400.000.000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	740.374.498	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		735.887.498	1.936.526.738
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.933.839.998</b>	<b>14.632.955.476</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14	9.933.839.998	14.632.955.476
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.277.613.325</b>	<b>16.888.600.000</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>19.277.613.325</b>	<b>16.888.600.000</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.389.013.325	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.389.013.325	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>56.663.773.430</b>	<b>65.976.783.429</b>

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Huy Thông

Nguyễn Hữu Tường

Lê Văn Hiệu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	114.451.557.784	78.390.343.029
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.451.557.784	78.390.343.029
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	99.127.259.891	65.770.773.760
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.324.297.893	12.619.569.269
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	381.347.889	441.172.889
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	41.895.000	12.527.778
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.895.000	12.527.778
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	12.714.945.170	10.476.977.195
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.948.805.612	2.571.237.185
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	207.489.297	1.401.988.176
12.	Chi phí khác	32	VI.06	138.968.991	1.287.745.117
13.	Lợi nhuận khác	40		68.520.306	114.243.059
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.017.325.918	2.685.480.244
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	628.312.593	595.699.261
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.389.013.325	2.089.780.983
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.415	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.415	Không áp dụng

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Huy Thông

Nguyễn Hữu Tường

Lê Văn Hiệu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		111.022.621.388	95.242.713.261
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(46.537.208.779)	(37.074.694.946)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(37.993.421.729)	(37.130.502.085)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(41.895.000)	(12.527.778)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(697.117.594)	(780.664.499)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		154.124.780	4.388.474.306
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.630.015.582)	(22.988.713.771)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.277.087.484</b>	<b>1.644.084.488</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(51.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	51.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	200.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		381.347.889	441.172.889
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>381.347.889</b>	<b>641.172.889</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	10.400.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.400.000.000)	(5.000.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.400.000.000)</b>	<b>5.400.000.000</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>5.258.435.373</b>	<b>7.685.257.377</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>12.959.385.424</b>	<b>5.274.128.047</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>18.217.820.797</b>	<b>12.959.385.424</b>

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Bùi Huy Thông

Nguyễn Hữu Trường

Lê Văn Hiệu

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng Đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông Đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông Đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông Đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ.

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính bắt đầu từ ngày 15 tháng 01 năm 2016 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty kể từ thời điểm chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	88.431.049	153.498.088
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.129.389.748	12.805.887.336
<b>Cộng</b>	<b><u>18.217.820.797</u></b>	<b><u>12.959.385.424</u></b>

**02. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b><u>17.817.902.381</u></b>	<b><u>9.735.360.987</u></b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Trường Lộc	4.338.619.000	1.692.314.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.767.960.587	3.484.379.093
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	4.327.104.000	3.216.254.000
- Công ty Cổ phần công trình 6	1.074.701.884	419.905.284
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	6.309.516.910	922.508.610
<b>Cộng</b>	<b><u>17.817.902.381</u></b>	<b><u>9.735.360.987</u></b>

**b. Các bên liên quan**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.169.766.471	7.120.538.377
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.767.960.587	3.484.379.093
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	4.327.104.000	3.216.254.000
- Công ty Cổ phần công trình 6	1.074.701.884	419.905.284
<b>Cộng</b>	<b><u>7.169.766.471</u></b>	<b><u>7.120.538.377</u></b>

**03. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b><u>757.750.000</u></b>	<b><u>47.164.500</u></b>
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	757.750.000	47.164.500
<b>Cộng</b>	<b><u>757.750.000</u></b>	<b><u>47.164.500</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**  
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>12.235.928.772</b>	<b>2.314.342.305</b>	<b>4.901.450.855</b>	<b>89.531.818</b>	<b>168.732.000</b>	<b>19.709.985.750</b>
- Mua trong năm		-	450.000.000	198.131.000	-	-	648.131.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành		-	-	-	-	-	-
- Tặng khác		-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>12.235.928.772</b>	<b>2.764.342.305</b>	<b>5.099.581.855</b>	<b>89.531.818</b>	<b>168.732.000</b>	<b>20.358.116.750</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>3.103.015.890</b>	<b>1.535.585.308</b>	<b>3.027.517.048</b>	<b>63.262.954</b>	<b>126.549.000</b>	<b>7.855.930.200</b>
- Khấu hao trong năm		512.046.930	204.975.988	453.307.838	7.624.148	10.545.752	1.188.500.656
- Tặng khác		-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>3.615.062.820</b>	<b>1.740.561.296</b>	<b>3.480.824.886</b>	<b>70.887.102</b>	<b>137.094.752</b>	<b>9.044.430.856</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>		<b>9.132.912.882</b>	<b>778.756.997</b>	<b>1.873.933.807</b>	<b>26.268.864</b>	<b>42.183.000</b>	<b>11.854.055.550</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>		<b>8.620.865.952</b>	<b>1.023.781.009</b>	<b>1.618.756.969</b>	<b>18.644.716</b>	<b>31.637.248</b>	<b>11.313.685.894</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**  
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	-	-	1.444.296.000	1.444.296.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	-	2.035.454.000	2.035.454.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	762.873.689	762.873.689	-	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	1.128.932.000	1.128.932.000	633.492.000	633.492.000
- Công ty Cổ phần TITH ĐS Sài Gòn	143.351.000	143.351.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.035.156.689</b>	<b>2.035.156.689</b>	<b>4.113.242.000</b>	<b>4.113.242.000</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
- Công ty hữu hạn Tập đoàn cục 6 Trung Quốc	-	-	1.770.367.500	1.770.367.500
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xây dựng Sunpro	100.000.000	100.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>1.770.367.500</b>	<b>1.770.367.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	998.927.398	7.909.946.899	6.225.442.242	-	2.683.432.055
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	160.133.258	628.312.593	697.117.594	-	91.328.257
- Thuế thu nhập cá nhân	-	39.716.187	44.496.268	64.085.654	-	20.126.801
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	148.565	148.565	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	778.859.351	3.000.000	781.859.351	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>1.977.636.194</b>	<b>8.585.904.325</b>	<b>7.768.653.406</b>	-	<b>2.794.887.113</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>13. Chi phí phải trả</b>		
<i>Ngắn hạn</i>		
- Trích trước chi phí khác	105.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>105.000.000</b>	<b>-</b>
<b>14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>7.891.744.414</b>	<b>10.047.507.483</b>
- Kinh phí công đoàn	3.672.632	4.419.700
- Bảo hiểm xã hội	-	221.638.478
- Phải trả về cổ phần hóa	148.557.656	2.948.007.196
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.739.514.126	6.873.442.109
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Quản lý điều hành	4.251.083.763	4.310.457.901
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chênh lệch vốn điều lệ	737.535.766	737.535.766
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Dự án máy Pháp	1.914.532.940	1.649.938.925
+ Các đối tượng khác	836.361.657	175.509.517
<i>b. Dài hạn</i>	<b>9.933.839.998</b>	<b>14.632.955.476</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.933.839.998	14.632.955.476
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam-tiền ray áo	9.933.839.998	14.632.955.476
<b>Cộng</b>	<b>17.825.584.412</b>	<b>24.680.462.959</b>
<b>15. Dự phòng phải trả</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<b>740.374.498</b>	<b>-</b>
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	740.374.498	-
<b>Cộng</b>	<b>740.374.498</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**  
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**16. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>12.773.765.767</b>	<b>289.485.324</b>	<b>-</b>	<b>448.050.442</b>	<b>-</b>	<b>13.511.301.533</b>
- Tăng vốn trong năm trước	5.915.919.282	-	6.064.476.938	-	-	11.980.396.220
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.089.780.983	2.089.780.983
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	(1.790.033.532)	(289.485.324)	(6.064.476.938)	(448.050.442)	-	(8.592.046.236)
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(2.089.780.983)	(2.089.780.983)
- Giảm khác	(11.051.517)	-	-	-	-	(11.051.517)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>16.888.600.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.888.600.000</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>16.888.600.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.888.600.000</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.389.013.325	2.389.013.325
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>16.888.600.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.389.013.325</b>	<b>19.277.613.325</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.892.600.000	64,5%	10.892.600.000	64,5%
- Các cổ đông khác (Chủ sở hữu khác)	5.996.000.000	35,5%	5.996.000.000	35,5%
<b>Cộng</b>	<b>16.888.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>16.888.600.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	16.888.600.000	12.773.765.767
+ Vốn góp tăng trong năm	-	5.915.919.282
+ Vốn góp giảm trong năm	-	1.801.085.049
+ Vốn góp cuối năm	16.888.600.000	16.888.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.688.860
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.688.860
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.688.860
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.688.860
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.688.860
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	84.543.568.264	70.293.234.424
- Doanh thu hoạt động xây lắp	29.907.989.520	8.097.108.605
<b>Cộng</b>	<b>114.451.557.784</b>	<b>78.390.343.029</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	85.780.140.524	73.363.369.514
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	1.009.863.636	-
- Công ty Cổ phần Công trình 6	3.139.932.728	1.024.056.364
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình Đường sắt	7.705.631.728	885.684.545
- Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực 3	8.938.160.909	-
<b>Cộng</b>	<b>106.573.729.525</b>	<b>75.273.110.423</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>02. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	69.784.332.948	57.881.527.195
- Giá vốn hoạt động xây lắp	29.342.926.943	7.889.246.565
<b>Cộng</b>	<b>99.127.259.891</b>	<b>65.770.773.760</b>
<b>03. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	381.347.889	441.172.889
<b>Cộng</b>	<b>381.347.889</b>	<b>441.172.889</b>
<b>04. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	41.895.000	12.527.778
<b>Cộng</b>	<b>41.895.000</b>	<b>12.527.778</b>
<b>05. Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	30.290.909
- Thu tiền hỗ trợ thu hồi đất	95.029.607	-
- Các khoản khác	112.459.690	1.371.697.267
<b>Cộng</b>	<b>207.489.297</b>	<b>1.401.988.176</b>
<b>06. Chi phí khác</b>		
- Các khoản chi phí khác	138.968.991	1.287.745.117
<b>Cộng</b>	<b>138.968.991</b>	<b>1.287.745.117</b>
<b>07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<b>12.714.945.170</b>	<b>10.476.977.195</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.001.312.116	4.853.510.277
- Chi phí vật liệu quản lý	558.264.356	558.697.454
- Chi phí đồ dùng văn phòng	519.364.254	175.762.272
- Chi phí khấu hao TSCĐ	290.659.330	360.563.344
- Thuế, phí và lệ phí	57.322.584	16.797.000
- Chi phí dự phòng	112.946.610	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	969.725.634	534.140.479
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.205.350.286	3.977.506.369
<b>Cộng</b>	<b>12.714.945.170</b>	<b>10.476.977.195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	628.312.593	595.699.261
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>628.312.593</b>	<b>595.699.261</b>

**(\*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.017.325.918	2.685.480.244
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	124.237.047	22.243.670
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.141.562.965	2.707.723.914
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>628.312.593</b>	<b>595.699.261</b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.389.013.325
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.389.013.325
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.688.860
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.415</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.389.013.325
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.389.013.325
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.688.860
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.415</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.805.999.146	30.762.006.759
- Chi phí nhân công	50.518.786.418	43.224.502.670
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.188.500.656	2.464.970.030
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.273.393.464	1.068.280.958
- Chi phí khác bằng tiền	5.746.101.071	7.955.319.382
- Chi phí dự phòng	853.321.108	-
<b>Cộng</b>	<b>99.386.101.863</b>	<b>85.475.079.799</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mua tài sản bằng nhận nợ 648.131.000 đồng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	1.110.676.384	849.839.600
<b>Cộng</b>	<b>1.110.676.384</b>	<b>849.839.600</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
- Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh – Nghệ An	Thành viên của Công ty mẹ
- Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt khu vực 3	Thành viên của Công ty mẹ
- Xí nghiệp Vận dụng toa xe hàng Sài Gòn	Thành viên của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Phú Khánh	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Công trình 6	Công ty mẹ nắm giữ 15,89% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
- Trích nộp kinh phí	1.514.296.241	1.374.002.511
- Bồi thường sự cố cầu	-	4.000.000
- Điều chỉnh giảm chi phí giá ray	1.569.853.400	-
- Khấu hao máy Pháp	1.649.938.820	-
- Chi phí lãi vay, quản lý, khấu hao máy	1.770.484.488	-
<b>Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh - Nghệ An</b>		
- Mua tà vẹt gỗ + phụ kiện Đường sắt	4.567.095.009	5.487.034.697
<b>Công ty Cổ phần Công trình 6</b>		
- Nhập mua nguyên vật liệu	3.593.754.000	-
<b>Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Sài Gòn</b>		
- Nhập mua nguyên vật liệu	1.417.879.000	-
- Bán công cụ dụng cụ	37.085.704	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.10, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.903.152.469	6.697.932.592
- Phải trả, phải nộp dài hạn khác	9.933.839.998	14.632.955.476
<b>Công nợ phải trả</b>	<b>16.836.992.467</b>	<b>21.330.888.068</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình Đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn Đường sắt, dịch vụ phòng nghỉ, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, ....

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**  
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Dịch vụ	Xây dựng	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
<b>Năm nay</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	84.543.568.264	29.907.989.520		114.451.557.784
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-		-
- Chi phí phân bổ	78.925.914.738	32.576.837.434		111.502.752.172
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>5.617.653.526</b>	<b>(2.668.847.914)</b>		<b>2.948.805.612</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	596.356.258	51.774.742		648.131.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	877.926.769	310.573.887		1.188.500.656
<b>Số dư cuối năm nay</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	33.984.980.084	4.460.972.549		38.445.952.633
- Tài sản không phân bổ				18.217.820.797
<b>Tổng tài sản</b>	<b>33.984.980.084</b>	<b>4.460.972.549</b>		<b>56.663.773.430</b>
- Nợ phải trả bộ phận	29.622.243.694	7.028.028.913		36.650.272.607
- Nợ phải trả không phân bổ				735.887.498
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>29.622.243.694</b>	<b>7.028.028.913</b>		<b>37.386.160.105</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐUÔNG SẮT THUẬN HẢI**  
 Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.217.820.797	-	12.959.385.424	-	18.217.820.797	12.959.385.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.111.863.774	-	9.765.559.402	-	18.111.863.774	9.765.559.402
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36.329.684.571</b>	<b>-</b>	<b>22.724.944.826</b>	<b>-</b>	<b>36.329.684.571</b>	<b>22.724.944.826</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	4.656.510.712	8.133.059.329	4.656.510.712	8.133.059.329
Vay và nợ	-	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	105.000.000	-
Các khoản phải trả khác	17.673.354.124	21.506.397.585	17.673.354.124	21.506.397.585
<b>Cộng</b>	<b>22.434.864.836</b>	<b>35.039.456.914</b>	<b>22.434.864.836</b>	<b>35.039.456.914</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	4.656.510.712	-	-	4.656.510.712
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	7.739.514.126	9.933.839.998	-	17.673.354.124
<b>Cộng</b>	<b>12.501.024.838</b>	<b>9.933.839.998</b>	-	<b>22.434.864.836</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	8.133.059.329	-	-	8.133.059.329
Vay và nợ	5.400.000.000	-	-	5.400.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	6.873.442.109	14.632.955.476	-	21.506.397.585
<b>Cộng</b>	<b>20.406.501.438</b>	<b>14.632.955.476</b>	-	<b>35.039.456.914</b>

#### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## 08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VietNam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

## 09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Huy Thông

Nguyễn Hữu Tường

Lê Văn Hiệu